

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2020/DS-ST
Ngày 17 tháng 9 năm 2020
V/v tranh chấp “Quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga.
2. Ông Trịnh Văn Bé.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới: Bà Đoàn Thị Thùy Trang -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp “Quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 395/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1952. (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Thị 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của bà H. Có ông Lê Văn C, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp Thị 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 17/7/2020). (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lâm Thị L, sinh năm 1953. (chết);

Địa chỉ: ấp Thị 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

*** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L gồm:**

- Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1978. (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị Mỹ L1, sinh năm 1981. (vắng mặt);

Địa chỉ: cùng ngụ tại số 92D, ấp Thị 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. (có văn bản xin vắng mặt);

- Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1978. (vắng mặt);
 - Bà Huỳnh Thị Phụng E, sinh năm 1985. (vắng mặt);
 - Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 2003. (vắng mặt);
 - Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 2015. (vắng mặt);
 - Ông Lê Quang V, sinh năm 1982. (vắng mặt);
 - Bà Nguyễn Thị Mỹ L1, sinh năm 1981. (vắng mặt);
 - Chị Lê Nguyễn Trà M, sinh năm 2006. (vắng mặt);
 - Anh Lê Quang T, sinh năm 2010. (vắng mặt);
 - Ông Lê Thành T, sinh năm 1951. (vắng mặt);
 - Bà Lê Thị T, sinh năm 1976. (vắng mặt);
 - Ông Lê Trung N, sinh năm 1980. (vắng mặt);
 - Bà Trần Thị Mai Q, sinh năm 1985. (vắng mặt);
 - Anh Lê Việt T, sinh năm 2007. (vắng mặt);
 - Bà Trần Thị K, sinh năm 1923. (vắng mặt);
- Cùng cư trú: ấp Thị 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai của nguyên đơn và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của gia đình ông, sau đó đến ngày 14/5/2003 mẹ ông là bà Huỳnh Thị H được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00707/QSĐĐ/Đb; theo tờ bản đồ số 30, thửa số 60, diện tích 930,20m². Tọa lạc ấp Thị 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. Trong quá trình sử dụng đến khoảng năm 2013 hộ bà L có xây dựng nhà kiên cố và mở rộng đường lán ranh. Nay, ông yêu cầu bà L tháo dỡ nhà tắm gắn liền với căn nhà chính và mái đón nhà tắm phía sau và diện tích đất gắn liền với căn nhà chính mà bà L đã lấn chiếm.

Tại tờ tự khai bà Lâm Thị L trình bày: Bà đồng ý tháo dỡ phần mái đón nhà tắm phía sau và phần nhà tắm gắn liền với căn nhà chính. Đối với phần diện tích đất gắn liền với căn nhà chính thì bà đồng ý mua lại theo giá pháp luật quy định.

Ủy ban nhân dân huyện C (có đơn xin vắng mặt); ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Mỹ L là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L. Ông Nguyễn Minh T, Huỳnh Thị Phụng E, Lê Quang Vinh, Nguyễn Thị Mỹ L, Lê Thành T, Lê Thị T, Lê Trung N, Trần Thị Mai Q, Trần Thị K đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các ông, bà không gửi văn bản cũng như không tham gia các phiên hòa giải nên không ghi nhận được ý kiến của các ông, bà về yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành

pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của bà Huỳnh Thị H được UBND huyện C cấp quyền sử dụng đất số 00707/dB ngày 14/5/2003, diện tích 930,2m². Trong quá trình sử dụng đất, bà Lâm Thị L đã xây dựng nhà lấn chiếm diện tích đất ngang 0,3m dài 150m. Nay, bà H yêu cầu bà L di dời các công trình kiến trúc trả lại đất lấn chiếm theo sơ đồ đo đạc ngày 20/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C.

Phía bà L thống nhất sơ đồ đo đạc ngày 20/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh C và thừa nhận đã xây dựng nhà lấn chiếm qua đất của bà H nhưng diện tích đất không đáng kể, yêu cầu được trả giá trị. Đến năm 2020, bà L chết nên Tòa án đã đưa ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 (con bà L) kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà L theo quy định.

Xét thấy, căn cứ bà H khởi kiện là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00707/dB ngày 14/5/2003, do UBND huyện C cấp cho bà H, diện tích 930,2m² và biên bản hòa giải của UBND thị trấn C. Các đương sự thống nhất theo sơ đồ đo đạc ngày 20/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C và kết quả định giá ngày 05/7/2017, đất có giá 800.000 đồng/m².

Tại Công văn số 470 ngày 02/4/2019 của UBND huyện C, xác định: Nguồn gốc đất của bà Huỳnh Thị H là do cha Huỳnh Văn R để lại, bà Lâm Thị L do cha Lâm Quang L để lại. Khi có chủ trương kê khai, cấp quyền sử dụng đất, các bà kê khai và được các hộ tứ cận ký tên nên việc cấp quyền sử dụng đất cho bà H, bà L là đúng đối tượng và trình tự, thủ tục. Phía bà L thừa nhận đã xây dựng nhà lấn chiếm qua đất của bà H nhưng diện tích đất không đáng kể, yêu cầu được trả giá trị.

Theo sơ đồ đo đạc ngày 20/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C, xác định các mốc điểm của căn nhà bà L nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H, cụ thể: Các điểm 23,24,33 có diện tích 0,1m²; 31,32,24,33 có diện tích 0,1m²; 50,51,48,49 có diện tích 0,2m² nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H.

Tổng diện tích đất căn nhà của bà L lấn chiếm và nằm trên quyền sử dụng đất của bà H là 0,4m². Hiện, căn nhà của gia đình bà L đã xây dựng kiên cố và ổn định, nếu buộc tháo dỡ sẽ ảnh hưởng đến giá trị thẩm mỹ và diện tích lấn chiếm khá nhỏ sẽ khó khăn trong việc thi hành án nên cần giữ nguyên hiện trạng sử dụng và buộc ông Thành, bà L1 (kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà L) trả giá trị đất cho bà H theo các Điều 166, 168 Bộ luật dân sự, cụ thể: 0,4m² x 800.000 đồng/m² = 320.000 đồng.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 166, 168 Bộ luật dân sự; các Điều 105, 166, 203 Luật đất đai, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H.

- Ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 được tiếp tục sử dụng diện tích đất 0,4m² nổi các điểm 23, 24, 33 có diện tích 0,1m²; 31, 32, 24, 33 có diện tích 0,1m²; 50, 51, 48, 49 có diện tích 0,2m² và có nghĩa vụ trả giá trị đất cho bà Huỳnh Thị H 320.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Huỳnh Thị H khởi kiện bà Lâm Thị L. Bà L có nơi cư trú tại: ấp Thị 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện C, ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà L. Ông Nguyễn Minh T, Huỳnh Thị Phụng E, Lê Quang Vinh, Nguyễn Thị Mỹ L1, Lê Thành Tri, Lê Thị T, Lê Trung N, Trần Thị Mai Q, Trần Thị K đã được tổng đạt hợp lệ các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay các ông, bà vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Nguồn gốc đất tranh chấp là của gia đình bà H; sau đó đến ngày 14/5/2003 bà Huỳnh Thị H được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00707/QSĐĐ/Đb; theo tờ bản đồ số 30, thửa số 60, diện tích 930,20m². Tọa lạc tại ấp Thị 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. Đến năm 2013 bà L có xây dựng nhà đã lấn chiếm qua diện tích đất của bà H. Do đó làm phát sinh tranh chấp bà L thống nhất và đồng ý tháo dỡ phần mái đón nhà tắm phía sau và phần nhà tắm gắn liền với căn nhà chính. Đối với phần diện tích đất gắn liền với căn nhà chính thì bà đồng ý hoàn giá trị theo qui định của pháp luật quy định.

Các đương sự thống nhất theo số liệu bản vẽ ngày 20/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh C và kết quả định giá ngày 05/7/2017, giá trị đất là 800.000 đồng/m², xác định các mốc điểm của căn nhà bà L nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H. Cụ thể: các điểm 23, 24, 33 có diện tích 0,1m²; 31, 32, 24, 33 có diện tích 0,1m²; 50, 51, 48, 49 có diện tích 0,2m² nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H. Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ lại.

Ngày 02/4/2019 Ủy ban nhân dân huyện C có Văn bản trả lời: Đối với đất của bà Huỳnh Thị H có nguồn gốc do cha là ông Huỳnh Văn R cho lại vào năm 1983. Khi có chủ trương đo đạc đại trà cấp đất thổ cư nông thôn theo Quyết định số 272/2002/QĐ.UB ngày 30/01/2002 của UBND tỉnh An Giang về ban hành về trình tự thủ tục xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; sau đó bà H làm đơn kê khai đăng ký và được các hộ tứ cận thống nhất ký tên và được Hội đồng xét cấp giấy UBND thị trấn C thống nhất đề nghị UBND huyện cấp giấy đến ngày 14/5/2003 bà Huỳnh Thị H được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00707/QSĐĐ/Đb; theo tờ bản đồ số 30, thửa số 60, diện tích 930,20m². Tọa lạc tại ấp Thị 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

Đối với đất của bà Lâm Thị L có nguồn gốc do cha là ông Lâm Quang L để lại trước năm 1975. Khi có chủ trương cấp đất thổ cư theo Quyết định số 777/2005/QĐ.UB ngày 30/3/2005 của UBND tỉnh An Giang về ban hành về trình tự thủ tục thực hiện việc: thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng

đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh An Giang. Bà Lâm Thị L làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và được các hộ tứ cận thống nhất ký tên, trong đó có bà Huỳnh Thị H; hồ sơ cũng được Hội đồng xét cấp giấy UBND thị trấn C thống nhất đề nghị UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 21/9/2005 bà Lâm Thị L được UBND huyện C cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0135/dB, diện tích 732,1m² đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm; quyền sử dụng đất số H0136/dB, diện tích 139,5m² đất có mặt nước chuyên dùng. Do đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị H và bà Lâm Thị L là đúng đối tượng và trình tự thủ tục theo quy định.

Nhận thấy, đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý, người sử dụng đất có đủ điều kiện theo quy định của Luật đất đai thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 14/5/2003 bà Huỳnh Thị H được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00707/QSDĐ/Db; theo tờ bản đồ số 30, thửa số 60, diện tích 930,20m² và đến ngày 21/9/2005 bà Lâm Thị L được UBND huyện C cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0135/dB, diện tích 732,1m² việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị H và bà Lâm Thị L là đúng đối tượng và trình tự thủ tục theo quy định.

Tại phiên Tòa hôm nay ông Lê Văn C đại diện theo ủy quyền của bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà L tháo dỡ nhà tắm gắn liền với căn nhà chính; mái đón nhà tắm phía sau và diện tích đất gắn liền với căn nhà chính mà bà L đã lấn chiếm trả lại diện tích 0,4m² trong đó (các điểm 23, 24, 33 có diện tích 0,1m²; 31, 32, 24, 33 có diện tích 0,1m²; 50, 51, 48, 49 có diện tích 0,2m²) nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H; theo sơ đồ hiện trạng của Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh C ngày 20/7/2018; Tuy nhiên, qua xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp thì thấy gia đình bà L đã xây dựng nhà và ở ổn định từ trước năm 1975 đến nay. Được cơ quan thẩm quyền UBND huyện C có văn bản cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà L là đúng đối tượng và trình tự thủ tục theo quy định và được các hộ tứ cận và gia đình của bà H ký giáp ranh. Nên Hội đồng xét xử nhận thấy nhằm tạo điều kiện thuận lợi về điều kiện sống, sinh hoạt ổn định cho các bên đương và với diện tích đất tranh chấp không chấp lớn.

Từ những cơ sở phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H. Ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 0,4m² đất thổ cư nông thôn (thể hiện tại các điểm 23, 24, 33 có diện tích 0,1m²; 31, 32, 24, 33 có diện tích 0,1m²; 50, 51, 48, 49 có diện tích 0,2m²), theo sơ đồ hiện trạng của Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh C ngày 20/7/2017.

- Buộc ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 có nghĩa vụ liên đới trả giá trị đất cho bà Huỳnh Thị H 320.000 đồng.

- Bản vẽ ngày 20/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện C, tỉnh An Giang là một phần không thể tách rời của bản án.

- Các bên đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ 895.000 đồng và chi phí nhận bản vẽ ngày 20/7/2017 đối với diện tích đất tranh chấp 1.314.500 đồng, bà H đã nộp

tổng cộng 2.314.500 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận, nên ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 (là con bà L) phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà H 2.209.500 đồng.

[3] *Về án phí*: các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 166, 168 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 105, 166 và Điều 203 Luật đất đai;
- Các Điều 26, 34, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H.
2. Ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 0,4m² đất thổ cư nông thôn (thể hiện tại các điểm 23, 24, 33 có diện tích 0,1m²; 31, 32, 24, 33 có diện tích 0,1m²; 50, 51, 48, 49 có diện tích 0,2m²), theo sơ đồ hiện trạng của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh C ngày 20/7/2017.
3. Buộc ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 có nghĩa vụ liên đới trả giá trị đất cho bà Huỳnh Thị H 320.000 đồng.
4. Bản vẽ ngày 20/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh huyện C, tỉnh An Giang là một phần không thể tách rời của bản án.
5. Các bên đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.
6. Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí nhận bản vẽ: ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 (là con bà L) phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà H 2.209.500 đồng.
7. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng.

8. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị H 750.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013916 ngày 16/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho bên được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt

khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Thanh